

III- Tân chính sách cải tạo kinh tế từ 1980 đến 1985.

Nhiều biện pháp đã được Hội Đồng Bộ Trưởng quyết định vào cuối tháng 12-1980 và vào thượng tuần tháng giêng 1981, quy định một sự thay đổi rõ rệt trong chính sách cải tạo kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

1/- Tư thương được mở rộng

Nhà nước chính thức cho phép mở rộng ngành tư thương (tiểu thương, tư thương bán lẻ). Hàng hoá được tự do lưu thông từ các tỉnh về Thành phố. Biện pháp này đã được chính phủ chấp thuận từ cuối tháng 9 năm 1979 và được chính thức hoá vào tháng giêng năm 1980. Bộ trưởng Bộ Nội Thương Trần Phương nhìn nhận, vào tháng ba năm 1980, rằng: "các biện pháp kinh tế sai lầm, lỗi thời đã được áp dụng từ hai năm qua (1978-1979). Kể từ năm 1980, nông dân, giới tiểu thương và bán lẻ có quyền chuyên chở hàng hoá. Cũng theo Bộ trưởng Trần Phương, "họ có thể bán

hàng hoá của họ bất cứ nơi nào mà họ muốn, sau khi đã trả thuế má cho nhà nước".

2/- Tiểu thủ công nghiệp và xí nghiệp gia đình được chính phủ đặc biệt khuyến khích.

Ngoại trừ đại xí nghiệp và trung xí nghiệp đều bị quốc hữu hoá (không bồi thường thiệt hại), chính phủ kêu gọi giới tư nhân đưa ra sáng kiến mới phát triển công kỹ nghệ. Giới "tư sản dân tộc" Sài Gòn được đặc biệt khuyến khích đầu tư vốn ra để canh tân các xí nghiệp hoặc thành lập thêm các xí nghiệp "gia đình", sử dụng từ vài công nhân đến 10 công nhân. Họ được nhà nước dành mọi sự "dễ dãi", trong vấn đề làm thủ tục hành chánh và họ có quyền bán các chế phẩm, bất cứ nơi nào họ muốn.

3/- Chính sách "Ba lợi ích".

Theo nghị quyết của Bộ Chính Trị số 26 (ngày 23-6-1980) và theo chỉ thị của ban thường trực của Ủy Ban Trung Ương Đảng số 100 (ngày 13-1-1980), chính phủ Hà Nội thành lập một hình thức hợp đồng gọi là "khoán" hay "hợp đồng hai chiều".

Theo công thức "khoán" này, thì có hai hình thức hợp đồng:

— Nhà nước ký hợp đồng với các xí nghiệp (quốc doanh hoặc tư doanh), với các hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất hay với các nông dân làm ăn cá thể. Hình

thức hợp đồng này được gọi là “khoán sản phẩm”.

— Sau khi nhận ký hợp đồng “khoán sản phẩm” với nhà nước, ủy ban quản trị tập hợp các xã viên (hợp tác xã, tập đoàn sản xuất..) nghiên cứu, ấn định số lượng sản xuất, ủy ban quản trị của hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất mới “khoán” cho mỗi xã viên (ký “hợp đồng hai chiều” với xã viên), xã viên cam kết cung cấp đủ số lượng sản phẩm đã được ghi rõ trong tờ “hợp đồng hai chiều”.

Hình thức “khoán” được áp dụng trên tất cả các lãnh vực kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, ngư nghiệp.

a/ Trong lãnh vực công nghiệp (kỹ nghệ).

Các xí nghiệp quốc doanh và tư doanh phải bán cho nhà nước các chế phẩm. Giá trị của các chế phẩm tương đương với giá trị của nguyên liệu do chính phủ cung cấp. Nếu xí nghiệp sản xuất dư thừa chế phẩm đã được quy định trong hợp đồng “khoán sản phẩm” này, thì các xí nghiệp có quyền bán các chế phẩm thặng dư bất cứ nơi nào họ muốn hoặc bán cho nhà nước với “giá thỏa thuận”, gần bằng với giá thị trường “tự do”.

— Trong các xí nghiệp quốc doanh, một quyết định của Hội Đồng chánh phủ (ngày 21-1-81) quy định việc “trả lương theo sản phẩm” và tiểu thương, không những nhằm mục đích thúc đẩy công nhân gia tăng sản xuất, mà còn

khuyến khích họ lao động sáng tạo để cải tiến kỹ thuật sản xuất, để tăng thêm năng xuất xí nghiệp, đồng thời tăng thêm chất phẩm của các chế phẩm, và tránh phí phạm ngân sách xí nghiệp. Trong lãnh vực quản trị, nghị quyết Hội Đồng Bộ Trưởng số 25, được tăng cường thêm quyết định của Bộ Chính Trị ngày 20-11-1981, áp dụng một phương thức mới về vấn đề chỉ huy hoạt động của xí nghiệp. Nghị quyết số 25 nhấn mạnh 3 điểm quan trọng: độc lập về sản xuất, về thương nghiệp và tự trị tài chánh. Việc điều khiển xí nghiệp do một cá nhân chịu trách nhiệm, một nhà khoa học kỹ thuật, được lựa chọn, căn cứ trên khả năng kỹ thuật (chớ không phải dựa trên tiêu chuẩn địa vị chính trị hay quá khứ cách mạng như trước nữa). Thủ trưởng xí nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự thất bại hay thành công trong việc kinh doanh.

— Trong các xí nghiệp tư doanh, quyết định của hội đồng bộ trưởng ngày 21-1-81 khuyến khích “tư sản dân tộc” đưa ra sáng kiến, ngoài việc ký hợp đồng khoán sản phẩm với nhà nước, xí nghiệp tư doanh được khuyến khích tự tìm kiếm (với mọi khả năng phương tiện của xí nghiệp) hoặc chế biến các nguyên liệu, để gia tăng sản xuất. Xí nghiệp có quyền xử dụng các chế phẩm này bất cứ nơi nào mà giới tư doanh muốn hoặc bán cho nhà nước với “giá thỏa thuận”.

b/- Trong lãnh vực thương nghiệp

Trong chính sách giải tỏa quyền hành trung ương, chính phủ cho phép mỗi tỉnh lỵ và mỗi huyện thành phố thành lập một gian hàng “Imex” (chữ viết tắt của: Import-export = xuất nhập cảng). Gian hàng quốc doanh này có nhiệm vụ xuất cảng trực tiếp các sản phẩm địa phương, không qua trung gian của Imex trung ương do bộ Ngoại Thương đảm nhận. Ngoại tệ thu hoạch được nhờ xuất cảng, được địa phương sử dụng để nhập cảng nguyên liệu, đồ phụ tùng, máy móc thiết bị cần thiết cho nhu cầu của mỗi địa phương.

Khi ban hành những biện pháp cải tạo kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, từ 1980 đến 1982, chính phủ Hà Nội muốn tìm một phương hướng mới, để phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, gia tăng sản lượng, giải quyết nạn khan hiếm hàng hoá trong nước. Để thực hiện chính sách này, nhà nước thay thế các cán bộ “giáo điều già nua”, bằng cách bổ nhiệm các cán bộ kỹ thuật vào các chức vụ then chốt trong các xí nghiệp quốc doanh. Giới lãnh đạo mới mẻ này được giao phó nhiệm vụ làm thế nào cạnh tranh trên thị trường, phương pháp sản xuất, để cải thiện nền kinh tế quốc gia đang trên đà bị suy sụp trầm trọng. Nhưng trên đoạn đường dài khôi phục nền kinh tế Việt Nam, đi song hành với chính sách “ba lợi ích” (lợi ích nhà nước, lợi ích tập thể, và lợi ích cá thể), chính phủ Hà Nội vấp phải nhiều chướng ngại vật.

4/- Các vấn đề khó khăn của chính sách “Ba lợi ích”.

a- *Nạn lạm phát gia tăng và giới lao động lâm vào cảnh lâm than, khốn khổ.*

Thành phố Hồ Chí Minh tràn ngập hàng hoá, nhờ chính sách cho phép tự do lưu hành các nhu yếu phẩm. Ngoại trừ giá thịt heo, thịt bò vv..tăng vọt mạnh (vì có vấn đề lạm sát gia súc trong thời kỳ “hợp tác hoá nông nghiệp” cưỡng bách vào các năm 1978-1979, gia súc và gia cầm chưa có đủ thời gian tái gia tăng sinh sản, để bù đắp lại số gia súc bị hạ thịt), giá gạo và giá các loại lương thực khác (khoai lang, khoai mì) trên thị trường thị do giảm rõ rệt.

**Biến chuyển giá cả của các nhu yếu phẩm
tại Thành phố Hồ Chí Minh, trên thị trường tự do
từ năm 1980 đến 1984**

Sản phẩm	1980	1981	1982	1983	1984
1Kg gạo xấu	7đ ¹	14đ	14đ	20đ	20đ
1Kg gạo vàng Hương	10đ ¹	18đ	20đ	30đ	29đ
	16đ ²				
1 Kg thịt heo	42đ ¹	60đ	160đ	200đ	250đ
	50đ ²				
1 Kg thịt bò	43đ ¹	55đ	150đ	180đ	190đ
	45đ ²				
1 Trứng vịt	1,7đ	2,5đ	4đ	5đ	5đ ¹ 7đ ²
1Kg Đường cát trắng	24đ	25đ	40đ	60đ	70đ ¹
1 Lít xăng	15đ ¹	25đ ¹	34đ	60đ	50đ ¹
	20đ ²	30đ ²			

Giá một lượng vàng (37,50 grammes)

- (1) Giá đệ nhất lục cá nguyệt
- 1 tờ 100 Mỹ kim = 14.000đ
- 1 tờ 1 Mỹ kim = 120đ
Tháng 7 năm 1983
- (2) Giá đệ nhị lục cá nguyệt
Kết quả của cuộc điều tra người Việt tỵ nạn đến nước Pháp từ 1980-1984

Đệ nhất lục cá nguyệt Đệ nhị lục cá nguyệt

1980	8.000 đồng	16.500 đồng
1981	13.000 “	17.000 ”
1982	35.000 “	40.000 ”
1983	47.000 “	70.000 ”
1984	73.000 “	115-120.000 ”

Từ 12 đồng năm 1978, giá 1kg gạo xấu giảm xuống còn 7 đồng năm 1980 tại chợ “tự do” Bến Thành. Tuy nhiên, giá gạo tự do vẫn còn quá cao, mặc dù từ tháng 4 năm 1980, nhà nước tăng lương cán bộ, công nhân viên và công nhân lên gấp đôi. Nhưng song song với chính sách tăng lương, nhà nước lại hủy bỏ “chế độ bao cấp” (trợ cấp) lương thực và thực phẩm, dành cho dân Sài Gòn (3kg gạo mỗi đầu người và nửa kí lô thịt heo mỗi gia đình, mỗi tháng bán với giá chính thức). Kể từ nay, dân Sài Gòn phải mua nhu yếu phẩm ở các chợ “tự do”.

— Người ta nhận thấy rằng việc tăng lương không theo kịp đà gia tăng vật giá tại thành phố sau một thời gian ngắn, giá cả nhu yếu phẩm có giảm đôi chút trên thị trường “tự do”, nhưng nạn lạm phát ở thành phố lại bắt đầu tăng vọt mạnh vào cuối năm 1980. Trong hai năm (1980-1982), giá tự do một kí gạo tăng gấp đôi, giá thịt tăng gấp 4 lần và giá vàng tăng gấp 5 lần. Nạn lạm phát phi mã này là do hậu quả của chính sách nới rộng tự do kinh tế. Hơn nữa, chính

quyền địa phương tại một số tỉnh áp dụng nhiều biện pháp trái ngược với chính sách nới rộng tự do kinh tế của nhà nước. Sự kiện này đã làm cho hàng hoá từ các tỉnh không thể chuyển vận dễ dàng về thành phố Hồ Chí Minh; vì các nhu yếu phẩm khan hiếm, nên vật giá lại leo thang, làm cho nạn lạm phát tăng vọt:

— Công an quận mở ra nhiều đợt “bố ráp” bất ngờ tại các chợ “tự do”, lấy cớ rằng họ tìm kiếm “đánh tư sản thương nghiệp”, nguyên nhân của nạn khan hiếm hàng hoá và vật giá tăng vọt thái quá. Trong những đợt “bố ráp” này, chính quyền tịch thu hàng hoá, nhu yếu phẩm và phạt giới con buôn nặng nề.

— Chính quyền ở các tỉnh cấm không cho giới tư thương chuyển vận hàng hoá về thành phố Hồ Chí Minh, bất chấp chỉ thị của nhà nước. Họ viện cớ rằng nếu để nhiều hàng hoá xuất tỉnh, nạn khan hiếm nhu yếu phẩm trong tỉnh sẽ làm cho vật giá leo thang, và việc thu thuế nông nghiệp (dưới hình thức nông phẩm) khó có thể thực hiện được.

Trước sự khiếu nại của giới tư thương, Bộ trưởng Nội Thương phải nhìn nhận rằng chính phủ, khi thực hiện chính sách nới rộng tự do kinh tế, đã va chạm phải nhiều khó khăn, không những cán bộ ở cấp thấp tại xã ấp, mà còn ở cấp cán bộ cấp cao ở các tỉnh lỵ, quận lỵ và ngay cả trong các Bộ của chánh phủ.

Vấn theo Bộ trưởng Nội Thương, “những sai lầm kể trên thật đáng tiếc và chính phủ không hay biết kịp thời. Nhà nước thay đổi kế hoạch dễ dàng, so với việc thay đổi tư tưởng của cán bộ. Một số cán bộ địa phương đôi khi giải thích rằng họ không có đọc báo, hay nghe đài truyền thanh và truyền hình thông báo chính sách nới rộng tự do kinh tế, theo tinh thần của nghị quyết trong kỳ họp thứ VI của ban chấp hành trung ương Đảng. Bởi vậy, cần phải có thời gian để thuyết phục họ”. Những “sai lầm” không bao giờ được chính phủ sửa sai, bởi thường thiệt hại cho giới tư thương (bị tịch thu hàng hoá và bị phạt tiền), và các chánh quyền địa phương đã làm sai trái, vẫn không bị chánh phủ trừng phạt.

Chính sách mập mờ, thiếu mạch lạc về việc nới rộng tự do kinh tế đã làm cho giới tư thương và giới “tư sản dân tộc” nản lòng. Bởi vậy, họ thà giảm bớt hoạt động kinh doanh, hơn là phiêu lưu mạo hiểm, đưa đến hậu quả tai hại là nạn tán gia bại sản. Do đó, hàng hoá trở nên khan hiếm tại thành phố Hồ Chí Minh, làm cho vật giá tăng vọt mạnh trên thị trường tự do. Giới lao động bị lâm vào cảnh bần cùng, lâm than. Mực sống của cán bộ cấp trung, cấp thấp, của công nhân và công nhân viên cải thiện đôi chút, so với các năm 1978-1979, nhờ lương bổng được tăng gấp đôi và nhất là trong các xí nghiệp quốc doanh, lương và tiền thưởng

của công nhân được trả theo sản phẩm. Hơn nữa, nhờ hủy bỏ chính sách bao cấp lương thực cho dân sự Sài Gòn, chính quyền có điều kiện thuận lợi nâng cao thêm đôi chút “chế độ bao cấp” dành cho cán bộ, công nhân viên và công nhân thành phố Hồ Chí Minh trong các năm 1982-1984, khẩu phần của họ được nhà nước quy định mỗi tháng như sau :

Nhu yếu phẩm	Số lượng	Giá chính thức
Gạo (loại xấu)	13Kg	0,3đ/Kg
Thịt heo	0,600Kg	2,4đ/Kg
Đường cát trắng	0,500Kg	2,5đ/Kg
Bột ngọt	50gr	0,5đ
Nước mắm (loại xấu)	1l	2đ/l
Cá	0,5Kg	2đ/Kg

Trợ cấp gia đình :

Gạo (loại xấu) = 9Kg mỗi con dưới 15 tuổi
10Kg mỗi con từ 15 - 18 tuổi
(0,60 đồng/Kg)

Cá = 0,500Kg mỗi con (2.000 đồng/Kg)

Nước mắm (loại xấu) = 1/2l mỗi con (2.000 đồng/lít)

(Kết quả của cuộc điều tra, nhờ đồng bào tỵ nạn Cộng Sản từ thành phố Hồ Chí Minh và các “thuyền nhân” từ các đảo vùng Đông Nam Á qua Pháp trong những năm 1982-1986):

b/- Lợi tức của các giai cấp xã hội chênh lệch nhau một

cách thái quá

Người ta nhận thấy lợi tức của các giai cấp xã hội chênh lệch nhau thái quá giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước (hành chính, giáo dục, y tế vv..). Cuộc điều tra¹

- Lương của một Bác sĩ toàn khoa, đã hành nghề ở bệnh viện Triều châu (Chợ Lớn) :

Lương căn bản : 150 đ + Phụ cấp thiệt hại nghề nghiệp : 50 đ + Lương phụ trội : 250-300 đ = 450-500 đồng/tháng (kể cả tiền phụ trội xem mạch ngoài giờ làm việc qui định)

- Lương của một y tá, đã hành nghề ở bệnh viện Nhi đồng 2 (bệnh viện Grall cũ) : Lương căn bản : 100 đ + Phụ cấp thiệt hại nghề nghiệp : 50 đ + Lương phụ trội : 150-200 đ = 300-350 đồng/tháng (kể cả tiền phụ trội làm ngoài giờ làm việc qui định)

- Lương của một giáo viên cấp 3, đã làm việc ở trường trung học Lê thị Minh Khai (trường Gia Long cũ) : Lương

(1) - Lương của một thợ chuyên môn (bậc 6), làm việc trong các xí nghiệp quốc doanh B.G.I (sản xuất bia, nước đá và các loại nước ngọt):

Lương căn bản : 140 đ + Lương sản phẩm : 1.000 đ = 1.140 đồng/tháng

- Lương của một thợ chuyên môn (bậc 3) đã làm việc trong các xí nghiệp Liên Phương (công ty Limitex cũ):

Lương căn bản : 100 đ + Lương sản phẩm : 400 đ = 500 đồng/tháng

căn bản : 150 đ + Dạy tư thêm : 150-200 đ = 300-350 đồng/tháng

Ghi chú : 1 quan Pháp = 5,5 đ theo hối suất chính thức, 12-13 đồng theo hối suất chợ đen

1 Mỹ kim = 40 đ theo hối suất chính thức, 110-120 đồng theo hối suất chợ đen

Kết quả của cuộc điều tra trong các tháng 3 và 5 năm 1983 cho thấy rằng “tiền lương sản phẩm” của công nhân làm việc trong các đại xí nghiệp (sử dụng từ 1000 công nhân trở lên) biến chuyển từ 500 đến 1.200 đồng mỗi tháng, trong khi ấy ở các lãnh vực khác “không sản xuất” như sở y tế chẳng hạn, lương của một bác sĩ toàn khoa chỉ có 450 đồng đến 500 đồng, lương của một y tá, từ 300 đến 350 đồng, và lương của một giáo viên cấp 2 hoặc cấp ba cũng chỉ bằng lương của một y tá hoặc bác sĩ. Lương của giáo sư thực thụ bậc đại học không vượt quá 600 đồng. Với mức lương, tiền thưởng và trợ cấp gia đình, công nhân chỉ có thể đảm bảo mức sống tối thiểu cho gia đình gồm ít nhất 5 miệng ăn, từ 7 đến 10 ngày mỗi tháng. Tình trạng của các thành phần lao động trong các lãnh vực “không sản xuất” còn thêm bi đát hơn nữa, vì lương của họ chỉ bằng phân nửa lương công nhân.

Theo cuộc điều tra, thì số tiền chi tiêu mỗi tháng của một gia đình gồm tối thiểu 5 miệng ăn tại thành phố Sài Gòn,

trong những năm 1982 và 1984 như sau:

	1982	1984
- Thành phần dân lao động (phu, thợ)	1.200-1.300 đ	2.000-2.200 đ
- Giới trung lưu	3.500-4.000 đ	5.500-6.000 đ
- Giới trưởng giả	9.000-10.000 đ	13.000-14.000 đ

Vì tiền lương quá thấp, nên cán bộ, công nhân viên và công nhân phải làm việc thêm, sau các giờ tan sở và ngày chúa nhật (ngày nghỉ duy nhất mỗi tuần). Họ phải làm đủ mọi thứ công việc: kỹ sư, giáo viên cấp 2, cấp 3 vv.. trở thành thợ điện, thợ sửa chữa ống nước, thợ hồ, thợ mộc, phu đập xích lô. Dược sĩ trở thành con buôn ở các chợ trời, chuyên bán thuốc tây vv.. Vợ và con cái cũng phải “gia nhập” vào giới chợ trời, buôn bán lẻ thuốc lá ngoại quốc, dược phẩm, xăng vv..

c/- Nạn chợ đen và tham nhũng lan tràn khắp nơi

Để lấy lại niềm tin của nhân dân và làm cho đảng có uy tín, chính phủ Hà Nội bắt thần đưa ra chiến dịch thanh lọc nội bộ đảng, sau kỳ họp lần thứ VI của ban chấp hành trung ương đảng. Nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Đảng (ngày 3-2-1980), Tổng bí thư Lê Duẩn đọc một bài diễn văn mạnh mẽ chỉ trích nạn tham nhũng của cán bộ cách mạng: “Đảng khó tránh khỏi nạn đảng viên tham ô, cần phải được thanh lọc”. Vẫn theo bí thư Lê Duẩn, “một số đảng viên

không còn đủ phẩm chất mà đảng yêu cầu..một số đảng viên gia nhập vào đảng vì địa vị xã hội, vì quyền lợi vì tham vọng cá nhân vv..”. Một số đảng viên khác, lúc ban đầu là những người Cộng Sản tốt, đã thoái hoá và phạm nhiều lỗi lầm trầm trọng: ăn cắp, hối lộ, lạm quyền vv...

Lấy lại ý của Tổng bí thư Lê Duẩn, nhật báo quân đội Nhân dân (ngày 22-1-1980) cũng đã lên án các cán bộ đảng viên, không những đã mất quan hệ với nhân dân mà còn bắt nhân dân phục vụ cho họ, làm thiệt hại quyền lợi của nhân dân...Đảng kiên quyết diệt trừ quan liêu hành chánh, lạm quyền vv..

Theo cuộc điều tra của chúng tôi, thì phong trào thanh lọc nội bộ đảng được phát động mạnh mẽ vào năm 1980. Các cán bộ cách mạng tham ô, hủ hoá bị khai trừ. Các cán bộ nhiều thành tích “cách mạng” đẩy huy chương nhưng thiếu khả năng, bị cho về hưu, sau khi được đảng đề cao quá khứ của họ. Các thành phần “phản động thân Mao” cũng bị đảng thanh trừng, đồng thời các đảng viên, mà cha mẹ gốc Hoa, cũng bị mất chức, nếu họ nắm giữ các chức vụ then chốt trong chánh quyền.

Chính sách “ba lợi ích”, thay vì xóa bỏ bất công xã hội, tận diệt nạn cán bộ tham nhũng, lại tạo cơ hội cho nhiều cán bộ đảng viên phạm tội tham ô kinh tế. Các thủ trưởng xí nghiệp quốc doanh móc ngoặc với nhau, trao đổi chế

phẩm thặng dư, sau đó, các hàng hoá này được ăn chia với nhau, giữa nhân viên công nhân và ban quản trị xí nghiệp. Họ đem hàng hoá “bán chui” ra ngoài thị trường tự do. Người Hoa Chợ Lớn chuyên chạy “áp phe”, đóng vai trò trung gian giữa các cửa hàng “Imex” và các nhà xuất cảng Hồng Kông, Tân Gia Ba, Mã Lai, Thái Lan. Các nước này đem tàu hàng đến tận hải phận Việt Nam, mua bán “đổi chác” hàng hoá lấy vàng, mỹ kim hoặc lấy các thổ sản của Việt Nam (gạo, cá tôm đông lạnh vv..). Việc trao đổi hàng hoá này diễn ra ở ngoài khơi Biển Nam Hải hoặc trong vịnh Thái Lan. Một số giám đốc của “Imex” lạm dụng chức vụ, cho nhập cảng nhiều hàng chế phẩm tiêu dùng (máy truyền hình, máy thu thanh, rượu, thuốc lá thơm, hàng vải, radio-cassettes) hơn là máy móc thiết bị, đồ phụ tùng, phân bón, thuốc trừ sâu vv..). Cũng nhân cơ hội “mua bán trao đổi hàng hoá” này, họ tẩu tán một số hàng nhập cảng, đem ra “bán chui” trên thị trường tự do. Hình thức thương mại “đổi chác” đem lại cho các giám đốc Imex thật nhiều lãi và chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi, họ trở thành “tư sản đỏ”. Ngoài biệt thự chức vụ, một số giám đốc còn có riêng tư một hay vài biệt thự sang trọng và có nhiều vợ bé. Những người này cũng làm “áp phe”, nhờ thế lực của cán bộ cách mạng. Nhiều chuyện “động trời” đã xảy ra tại thành phố Hồ Chí Minh, đưa đến hậu quả là phe “giáo điều” và phe

“canh tân” chống đối với nhau, bắt buộc nhà cầm quyền Hà Nội duyệt xét lại chính sách “ba lợi ích”.

5/- Cuộc đối đầu giữa phe “Giáo điều” và phe “Canh tân”, và phong trào “sửa sai” tại Thành phố Hồ Chí Minh (1983-1985)

Sau kỳ đại hội đảng lần thứ V (từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982), người ta nhận thấy có nhiều thay đổi sâu rộng trong nội bộ đảng và trong nội các chính phủ :

— *Những thay đổi chính trị*

* *Trung ương bộ chính trị* : Sáu hội viên tổng số 15 (40%) đã bị loại ra khỏi Bộ chính trị và 4 hội viên mới được đề cử vào.

* *Ban thư ký thường trực của ban chấp hành trung ương đảng* : Ban chấp hành trung ương đảng gồm có 152 hội viên (116 hội viên chính thức, 36 hội viên dự khuyết) thay vì 133 hội viên trong khoá IV. Trên tổng số 133 hội viên, 47 vị đã bị mất chức, trong ban chấp hành trung ương đảng khoá V này.

— *Thay đổi nội bộ của hội đồng nội các*: Thủ tướng Phạm Văn Đồng cải tổ nội các sâu rộng vào tháng 4 năm 1982 (cải tổ nội các lần thứ ba, kể từ năm 1980). Điều nổi bật trong lần cải tổ nội các này là nhiều Bộ trưởng, thuộc các Bộ liên quan đến kinh tế, bị thay thế:

* **Nguyễn Lam** : Bị mất chức vụ phó thủ tướng, bộ

trưởng Bộ Kinh Tế và chủ tịch ủy ban kế hoạch nhà nước.

* **Trần Phương** : Bị mất chức Bộ trưởng bộ Nội Thương.

* **Đinh Đức Thiện** (em ruột Mai Chí Thọ) : bị mất các chức vụ phó thủ tướng, bộ trưởng bộ Giao Thông, vận tải và ủy viên ban chấp hành trung ương đảng.

* **Đại tướng Võ Nguyên Giáp** : Bị mất các chức vụ tổng trưởng Quốc Phòng (tháng 2 năm 1980), kế tiếp bị gạt ra khỏi chính trị bộ (sau kỳ đại hội lần thứ V).

Theo giới trí thức Việt Nam, thì tướng Giáp là người “cởi mở, thực tiễn”, được giới khoa học và kỹ thuật ủng hộ, chính sách mở rộng kinh tế giao thiệp với thế giới bên ngoài của tướng Giáp đã gây tiếng vang trong nước, trong kỳ đại hội khoa học kỹ thuật được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, vào cuối năm 1978, tại rạp chiếu bóng “Bến Thành” (rạp chiếu bóng Rex cũ). Trong bài diễn văn, tướng Giáp nhấn mạnh “sự tiến bộ cực nhanh về khoa học kỹ thuật trên thế giới, đặc biệt tại các nước Á Châu, láng giềng Việt Nam. Phương pháp sản xuất và quản trị của tư bản có những khía cạnh tốt, mà ta cần biết xử dụng, áp dụng một cách sáng tạo trong kinh tế xã hội chủ nghĩa”.

— **Võ Văn Kiệt** : Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị (khoá IV), bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, được nổi tiếng về tư tưởng mở rộng kinh tế thực tiễn (khuyến khích tiểu

thương, tư thương bán lẻ, tự do lưu thông hàng hoá, khuyến khích giới tư sản dân tộc thành lập tiểu thủ công nghiệp gia đình). Võ Văn Kiệt được cán bộ gốc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và nhân dân miền Nam ủng hộ về chính sách nói rộng kinh tế. Sau kỳ V đại hội đảng, Võ Văn Kiệt bị triệu hồi về Hà Nội, đảm nhận các chức vụ mới: ủy viên thực thụ bộ chính trị, phó thủ tướng và chủ tịch ủy ban kế hoạch nhà nước. Thoạt mới nhìn vào các chức vụ, người ta có cảm tưởng rằng Võ Văn Kiệt “được thăng chức”. Nhưng trên thực tế, khi “đề bạt” lên cao, Võ Văn Kiệt hoàn toàn bị cô lập, mất hết mọi sự liên lạc và sự cộng tác của các cộng viên miền Nam; Nguyễn Thành Thơ bị mất chức vụ ủy viên trung ương đảng trong khoá V, địa vị của Mai Chí Thọ (em ruột của Lê Đức Thọ), chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố, kiêm giám đốc công an cảnh sát thành phố Hồ Chí Minh, bị lung lay, theo tin đồn ở Sài Gòn trong các năm 1982-1984.

Sau các đợt thanh trừng phe “canh tân” trong nội bộ đảng, Hà Nội đưa ra chính sách “sửa sai”. Chính sách “ba lợi ích”, do phe “canh tân” đề ra từ năm 1980, vẫn còn được duy trì, nhưng nhà nước đưa ra nhiều biện pháp khác, để hạn chế bớt “tự do kinh tế”, tránh những sai lầm trong quá khứ. Giám đốc tờ nhật báo Nhân Dân nói rõ, vào tháng chạp năm 1982, rằng kể từ nay, nhà nước sẽ siết chặt, không để các xí nghiệp quốc doanh muốn làm gì thì làm. Nhà nước

sẽ kiểm soát chặt chẽ. Đối với các xí nghiệp tư doanh, họ không còn quyền tìm mua nguyên liệu bất cứ nơi nào và bất cứ giá nào. Các thị xã chỉ được phép sử dụng ngoại tệ cơ hữu (nhờ xuất cảng) vào việc nhập cảng các máy móc thiết bị và nguyên liệu. Nhưng tại thành phố Hồ Chí Minh, chính quyền địa phương không tôn trọng quy định này và đã gây nên thị trường hỗn loạn. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện quy trách nhiệm cho giới tư thương: “Chính phủ vẫn duy trì cải tạo kinh tế, nhưng tìm cách chặn đứng những lạm dụng, chẳng hạn như không để giới tiểu thương hành động lộng quyền, muốn biến thành đại tư bản ở miền Nam”. Chính quyền tiếp tục truy lùng giới gian thương chuyên bán trực lợi quá đáng về gạo, đường và các loại nhu yếu phẩm khác ở thành phố Hồ Chí Minh.”

“Chính sách sửa sai” kể trên được Hà Nội giao phó cho phó thủ tướng Đỗ Mười, thêm một lần nữa có trọng trách “đánh tư sản thương nghiệp”, trừng trị cán bộ cách mạng hủ hoá, hối lộ, vào tháng năm 1983:

a/- Trong lãnh vực kỹ nghệ

Kể từ nay, các xí nghiệp quốc doanh không được quyền có sáng kiến sử dụng nguyên liệu dư thừa hay phó sản của nguyên liệu để chế biến các loại hàng hoá khác, mà không có dự trù trong kế hoạch của xí nghiệp. Xí nghiệp cũng không có quyền tự do bán các chế phẩm thặng dư (sản

lượng vượt mức kế hoạch dự trù) hay đổi chất với các chế phẩm này để lấy nguyên liệu của xí nghiệp khác vv..

“Tiền lương sản phẩm” được thay thế bằng tiền thưởng, để giảm bớt sự chênh lệch thái quá về tiền lương giữa các xí nghiệp quốc doanh. Tiền thưởng này được quy định từ 150 đồng đến 300 đồng mỗi tháng. Các xí nghiệp quốc doanh phải điều chỉnh tình trạng lương bổng công nhân, tụt giảm xuống còn 500 hoặc 600 đồng mỗi tháng. Kỳ hạn chót, để thực hiện chính sách lương bổng này là vào cuối tháng 12 năm 1983.

b/- Trong lãnh vực thương nghiệp

Các cửa hàng Imex của các quận thành phố Hồ Chí Minh đều bị hủy bỏ. Việc nhập và xuất cảng kể từ nay phải đi ngang qua trung gian của cửa hàng Imex trung ương, trụ sở được đặt tại đại lộ Nguyễn Huệ, quận nhất. Tự do lưu thông hàng hoá bị ngăn cấm trở lại.

c/- Triệt để bài trừ tư bản thương nghiệp và tư sản đồ.

Chính phủ tổ chức nhiều đợt bố ráp đại quy mô, đánh tư sản thương nghiệp và tư sản đồ. Nhằm mục đích làm nản lòng giới tiểu thương chuyên bán hàng vải, quần áo xung quanh chợ Bến Thành (đường Lê Thánh Tôn, Tạ Thu Thâu, đại lộ Nguyễn Huệ, Lê Lợi vv..), nhà nước áp đặt nhiều sắc thuế thật nặng đánh vào giới tiểu thương này : 40.000 đồng mỗi tháng, mỗi sập bán hàng vải diện tích 1m². Các nhà

hàng nổi tiếng như Chí Tài, đường Võ Duy Nguy, Tài Nam và Paris, đường Tôn Thất Thiệp, Cola, đường Nguyễn Thái Bình (đường Nguyễn Văn Sâm cũ) bị sưu cao thuế nặng (từ 50.000 đồng đến 70.000 đồng mỗi tháng) phải đóng cửa. Một số nhà hàng không đủ tiền nộp thuế chính phủ, phải “hiến” cơ sở cho chính quyền hoặc phải hợp tác với nhà nước. Nhà hàng của họ biến thành nhà hàng công ty hợp doanh, chính phủ không hề bỏ vốn vào hùn hạp chi cả !

Song song với chính sách “đánh tiểu thương”, phó thủ tướng Đỗ Mười ra lệnh mở chiến dịch đánh giới tư thương bán lẻ, bán hàng rong, viện cớ rằng, cần phải nới rộng lòng đường. Đồng thời, nhà nước quy định hạn chế số “quà cáp” từ ngoại quốc gửi về Việt Nam giúp đỡ gia đình. Mỗi gia đình Việt Nam chỉ có quyền nhận 3 gói quà mỗi năm, mỗi gói quà trị giá không quá 20 mỹ kim. Nhiều biện pháp khác được áp dụng kế tiếp: Tiền từ ngoại quốc chuyển về Việt Nam phải bỏ vào quỹ tiết kiệm, và mỗi gia đình chỉ có quyền rút tiền ra mỗi tháng tối đa không quá 700 đồng.

Những biện pháp khắc khe (hạn chế số “quà cáp” và bắt buộc gửi tiền chuyển từ nước ngoài vào quỹ tiết kiệm) đưa đến hậu quả tức khắc là số lượng “quà cáp” và số ngoại tệ gửi về Việt Nam bị tụt giảm hẳn. Chính sách cấm lưu thông hàng hoá từ các tỉnh về thành phố Hồ Chí Minh, việc hạn chế số lượng “quà cáp” đã làm cho nhu yếu phẩm và

các chế phẩm tiêu dùng bị khan hiếm trầm trọng, làm cho vật giá tăng vọt mạnh. Sự kiện này bắt buộc Hà Nội hủy bỏ các quyết định độc đoán kể trên.

Phó thủ tướng Đỗ Mười tiếp tục sứ mạng tận diệt giới “tư sản đỏ” ở thành phố có khoảng 5.000 cán bộ cách mạng các cấp bị chính phủ cất chức vào năm 1983, vì tội tham nhũng. Trong số này, một vài cán bộ cao cấp được nổi tiếng như giám đốc “xí nghiệp Liên Hiệp Cửu Long”. Khi đến biệt thự để lục xét, công an dường như đã bắt gặp 20 kí lô vàng (theo lời của các người Việt tỵ nạn từ thành phố Hồ Chí Minh đến Pháp vào các tháng 5 năm 1983). Nhiều giới chức cách mạng cao cấp ở các gian hàng Imex (Cholimex, sidimex, Gidimex vv..) cũng bị công an bắt giam vì tội tham nhũng, móc ngoặc vv..

d/- *Thực hiện triệt để chính sách xã hội hoá thương nghiệp và tái phát động phong trào đi kinh tế mới (1983-1985).*

Chiến dịch “sửa sai” ở thành phố Hồ Chí Minh, giống tựa như tân chính sách kinh tế (NEP) Liên Xô, cho thấy rằng có sự thay đổi, quay trở ngược lại đường lối chính trị cứng rắn của năm 1978. Tuy nhiên, nhà nước vẫn khoan hồng giới tiểu thương, với điều kiện là họ phải tập hợp để thành lập các “tổ liên danh”. Đó là hình thức hợp tác xã tiêu thụ tư nhân, gồm có vài xã viên. Những hợp tác xã này

phải đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước về giá cả. Tiền lãi của hợp tác xã phải chia cho chánh phủ (60%) và các xã viên (40%). Nhân dân miền Nam rất thất vọng, trước biện pháp cải tạo kinh tế này. “Giới tư sản dân tộc” mất lòng tin nơi chánh phủ, không muốn gia tăng sản xuất. Giới thương nghiệp cũng không thiết nghĩ tới việc phát triển kinh doanh. Sự kiện này đưa đến hậu quả tai hại cho nền kinh tế Việt Nam, khan hiếm nhu yếu phẩm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nạn chợ đen. Lạm phát tiếp tục tăng vọt. Mặc dù nhân dân bất mãn, Hà Nội vẫn nhất định phát động mạnh phong trào xã hội hoá triệt để thành phố Hồ Chí Minh. Ban chấp hành trung ương đảng (nhóm họp từ ngày 11 đến ngày 17-12-1984) quy định những nét chính tổng quát về phương hướng phát triển kinh tế trong kế hoạch năm 1985, đặc biệt nhấn mạnh “tập thể hoá đất đai miền Nam và kiểm soát tư thương”. Sau kỳ họp này, nhà nước thực hiện một loạt cải tạo kinh tế miền Nam:

— Theo nghị quyết số 8 vào tháng 7 năm 1985, chính phủ hủy bỏ chế độ bao cấp dành cho cán bộ, công nhân viên và công nhân.

— Đồng thời, nhà nước áp dụng chính sách “giá cả thực tế” và “giá bù lỗ” đối với cán bộ, công nhân viên và công nhân. Kể từ nay, giá chính thức bị hủy bỏ. Giá quốc doanh của các nhu yếu phẩm gần bằng giá cả trên thị trường

tự do. Để nâng đỡ cán bộ, công nhân viên v.v..., Nhà nước trả cho họ mỗi cuối tháng một số tiền gọi là “giá bù lỗ” cho 13kg gạo và nửa ký thịt (sự sai biệt giữa giá kinh doanh và giá chính thức được nhà nước “đền bù”). Giá bù lỗ này được duyệt xét mỗi cuối tháng, vì giá kinh doanh thay đổi mỗi ngày. Dân có hộ khẩu được phép mua gạo tại hợp tác xã phường.

— Các chính sách cải tạo kinh tế nói trên đi song hành với việc đổi tiền mới, vào ngày 14-9-1985 (đổi tiền lần thứ ba kể từ năm 1975). Đồng bạc Việt Nam bị phá giá 90% (10 đồng = 1 đồng mới).

Khi hành động như thế và bất chấp dư luận nhân dân bất mãn, Hà Nội muốn đánh “tư sản thương nghiệp, tư sản dân tộc và tư sản đỏ”. Mặt khác, chính quyền cũng nhắm vào mục đích “bần cùng hoá dân Sài Gòn”, để cai trị họ bằng cách “nắm hồ bao”, làm áp lực đối với các thành phần dân lao động (chiếm 2/3 tổng số dân Sài Gòn). Trước vật giá leo thang, dân nghèo không thể sống ở thành phố, dù muốn dù không, phải “tình nguyện” xin đi kinh tế mới để sinh cơ lập nghiệp. Giá nhu yếu phẩm thay đổi mỗi ngày, làm cho nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và trên toàn quốc vô cùng bất mãn và nản lòng. Mỗi cuối tháng, nhà nước phải duyệt xét lại lương bổng cán bộ, công nhân viên và công nhân, ấn định lại số tiền bù lỗ cho họ. Nhưng chính sách tăng lương không

theo kịp đà gia tăng vật giá. Giới cán bộ cấp trung cấp và công nhân lãnh lương mỗi tháng chỉ khoảng 300 đến 400 đồng (mới). Tình trạng của giới cán bộ cấp thấp còn tệ hại hơn nữa : từ 200 đến 300 đồng mỗi tháng. Lương của giáo sư thực thụ bậc đại học không vượt quá 500 đồng (so với giá trị của một kí lô gạo xấu : 35 đồng; 1 kí lô thịt heo : 300 đồng vào tháng 11 năm 1986). Số tiền chi tiêu mỗi tháng của một gia đình (gồm năm miệng ăn) tại thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 1986 như sau :

- Gia đình lao động nghèo : 2.100 đồng¹
- Gia đình trung lưu : 6000 đồng
- Gia đình trưởng giả : 12.000 đồng

Vì vật giá quá đắt, một số gia đình lao động nghèo không thể chịu đựng nổi đời sống đắt đỏ, phải rời thành phố Hồ Chí Minh, đi lập nghiệp tại các vùng kinh tế mới. Được nhà nước đề nghị công ăn việc làm có vẻ tương đối tốt, các gia đình nghèo “thử thời vận”, phiêu lưu mạo hiểm đăng ký xin làm công nhân ở các đồn điền cao su Liên Xô, Đông Đức, Tiệp Khắc v.v.. tại miền Đông Nam Bộ.

Theo nguồn tin chính thức, thì có 97.000 người từ các

(1) 1 quan Pháp = 17 đồng theo hối suất chính thức, 23 đồng theo hối suất chợ đen.

vùng đông dân cư và thị dân (đa số dân “Sài Gòn”) đã đi sinh cơ lập nghiệp tại hai tỉnh Sông Bé và Đồng Nai, vào năm 1983. Nhưng chính sách tái phát động phong trào giảm dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1983 đến nay dường như không thành công mấy. Các vùng kinh tế mới được thiết lập trong các đồn điền cao su mới, chưa được nhà nước cải thiện về phương diện vệ sinh. Rừng thiêng nước độc và điều kiện làm việc trong đồn điền thật khắc nghiệt, nhưng công nhân chỉ lãnh lương tạm đủ nuôi gia đình đắp đổi qua ngày. Con cái họ thiếu ăn, thiếu dinh dưỡng, mặc không đủ ấm và bị mắc phải nhiều bệnh tật (cảm cúm, sung cuống phổi, sốt rét, ký sinh trùng, thiếu dinh dưỡng..). Bị cô lập ở giữa rừng già, xa cách các trục giao thông, những gia đình nghèo khó, bất hạnh này không thể tiếp xúc với thế giới bên ngoài được. Không có bệnh viện, không có trường học, không có bảo sanh viện, không có chợ búa. Một khi mắc phải bệnh sốt rét nặng và trở thành phế nhân, một số đồng bào kinh tế mới phải quay trở lộn về thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện này làm cho chính sách tái phát động đi các vùng kinh tế mới gặp nhiều khó khăn, nên chánh quyền không thể nào tuyên truyền, thuyết phục các gia đình khác rời bỏ thành phố, đi kinh tế mới. Mặc dù chính quyền địa phương làm áp lực (hủy bỏ chế độ bao cấp, truy lùng giới tư thương không cho buôn bán vv..). Khối nhân dân lao động nghèo

khó nhất định sống bám chặt vào thành phố bằng mọi giá. Đối với họ, bất cứ phương tiện gì cũng tốt cả, miễn là làm thế nào họ nuôi sống được gia đình đắp đổi qua ngày, để tránh đi kinh tế mới. Mặc dù chính quyền mở ra nhiều đợt đánh “tư sản, tư thương”, trong các năm 1983, 1984, 1985, nhà nước không thành công đem lại “trật tự xã hội chủ nghĩa”, không thành công tống khứ các “thành phần không sản xuất” ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh. Hàng hoá, từ các tỉnh được giới con buôn chuyển lậu về Thủ đô miền Nam, tràn ngập thị trường tự do, và các chế phẩm ngoại quốc do Việt Kiều gửi về giúp gia đình vẫn cung cấp điều hoà cho các chợ trời. Kể từ ngày 1-12-1983, nhà nước quy định mỗi gia đình Sài Gòn có quyền nhận 4 gói quà ngoại quốc mỗi năm. Vượt quá mức quy định này, nhà nước sẽ đánh thuế “phụ thu”, theo cấp lũy tiến:

- 20% trên giá trị hàng hoá đối với gói quà thứ năm.
- 30% “ “ “ “ “ thứ sáu
- 40% ” “ ” “ ” thứ bảy vv..

Vì chợ đen và chợ trời thịnh vượng, nên kẻ giàu cũng như người nghèo đều có lợi cả. Bằng bất cứ giá nào, họ sống bám vào thành phố Hồ Chí Minh và từ chối, không đi kinh tế mới sinh cơ lập nghiệp.